

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2025/DS-ST

Ngày 07/5/2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đình

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Vũ
- Bà Đỗ Thị Thúy Diễm

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa công khai xét xử vụ án dân sự đã thụ lý số: 204/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2025/QĐXXST – DS ngày 01/4/2025; quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2025/QĐST – DS ngày 16/4/2025. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị Bé C, sinh năm 1972 (có mặt)

Bùi Văn H, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre

Bị đơn: Võ Thị H1, sinh năm 1969 (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Lê Quang Q, sinh năm 1968 (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/9/2024 cũng như trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Bé C và ông Bùi Văn H trình bày như sau:

Do ở cùng xóm với nhau nên chúng tôi có tham gia 6 phần hụi ở 4 dây hụi khác nhau do bà Võ Thị H1 làm chủ hụi cụ thể các dây hụi như sau:

Dây hụi thứ nhất: hụi 3 triệu mở ngày 15/7/2015 (A1) gồm 16 phần chúng tôi tham gia 2 phần. Chúng tôi đóng từ 15/7/2015 đến ngày 15/8/2016 (A1) được

14 tháng với tổng số tiền là 84.000.000 đồng khi trừ đầu thảo còn 81.000.000 đồng

Dây hội thứ 2: Hội 1.000.000 đồng mở ngày 25/8/2015(AI) gồm 18 phần chúng tôi tham gia 2 phần và đóng từ 25/8/2015 đến ngày 25/7/2016 (al) được 12 tháng với số tiền là 24.000.000 đồng. Sau khi trừ tiền đầu thảo còn lại 23.000.000 đồng

Dây hội thứ 3: Hội 2.000.000 đồng mở ngày 10/8/2015 (AI) gồm 19 phần chúng tôi tham gia 1 phần và đóng từ 10/8/2025 đến 10/8/2016 (A) đóng được 13 tháng với số tiền là 26.000.000 đồng, trừ đầu thảo còn lại 25.000.000 đồng

Dây hội thứ 4: Hội 3.000.000 đồng mở ngày 15/9/2015 (al) đóng được 12 tháng với tổng số tiền là 36.000.000 đồng. Sau khi trừ thảo còn lại 34.500.000 đồng.

Đến ngày 24/8/2016 (AI) thì bà Võ Thị H1 tuyên bố bế hội như vậy tổng số tiền bà H1 nợ chúng tôi của các dây hội nêu trên là 163.500.000 đồng, chúng tôi đã nhiều lần đến đòi nợ nhưng phía bà H1 không trả, ông bà có viết giấy nợ cho vợ chồng tôi thừa nhận còn nợ số tiền 163.500.000 đồng có ông Q, bà H1 ký tên xác nhận. Số tiền này bà H1, ông Q dùng để trang trải trong gia đình. Bà H1 và ông Q vẫn đang là vợ chồng chung sống cùng nhau. Nay chúng tôi yêu cầu Tòa án buộc bà H1 và ông Q phải liên đới trả cho chúng tôi số tiền 163.500.000 đồng, chúng tôi không yêu cầu tính lãi thời gian qua.

Bị đơn Võ Thị H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Quang Q vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên không có lời trình bày mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, đã được Tòa án tổng đạt giấy mời và toàn bộ hồ sơ khởi kiện (bản pho to) của nguyên đơn, thông báo thụ lý vụ án cho bà H1, ông Q1 nhưng ông, bà vẫn cố tình vắng mặt không lý do không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe các đương sự phát biểu tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng góp hội.

Tại phiên tòa nguyên đơn Lê Thị Bé C, Bùi Văn H cho rằng do ở cùng xóm với nhau nên vợ chồng ông bà có tham gia 6 phần hội ở 4 dây hội khác nhau do bà Võ Thị H1 làm chủ hội, ông, bà đóng hội cho bà H1 làm chủ hội nhưng đến ngày 24/8/2016 (A) thì bà Võ Thị H1 tuyên bố bế hội như vậy tổng số tiền bà H1 nợ vợ chồng ông bà của các dây hội nêu trên là 163.500.000 đồng, sau đó bà C, ông H đã nhiều lần đến đòi nợ nhưng phía bà H1 không trả và bỏ địa phương đi nơi khác. Số tiền này bà H1, ông Q dùng để trang trải trong gia đình. Bà H1 và ông Q vẫn đang là vợ chồng chung sống cùng nhau. Nay bà C, ông H yêu cầu Tòa án buộc bà H1 và ông Q phải liên đới trả cho ông, bà số tiền 163.500.000 đồng, ông bà không yêu cầu tính lãi thời gian qua, Do bà C và ông H có nhiều lần yêu cầu trả tiền hội nên bà H1 có viết tờ giấy viết tay có tiêu đề “giấy nợ” trong đó thể hiện bà Võ Thị H1 còn nợ ông bà số tiền là 163.500.000 đồng, bà H1 bán đất sẽ trả lần lần cho ông H (bà C) phía dưới giấy có chữ ký và ghi họ tên của ông Lê Quang Q, bà Võ Thị H1.

Bị đơn Võ Thị H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Quang Q mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, đã được Tòa án tổng đạt giấy mời và toàn bộ hồ sơ khởi kiện (bản pho to) của nguyên đơn, thông báo thụ lý vụ án cho bà H1, ông Q1 nhưng ông, bà vẫn cố tình vắng mặt không lý do không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo giao nộp chứng cứ cho bà Võ Thị H1, ông Lê Quang Q để chứng minh ông bà không có nợ bà Lê Thị Bé C và ông Bùi Văn H số tiền hụi 163.500.000 đồng nhưng bà H1, ông Q không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cũng như cố tình vắng mặt không có văn bản ý kiến gì. Mặc khác việc bà H1 làm chủ hụi khi đó ông Q và bà vẫn là vợ chồng hợp pháp, bà H1, ông Q có ký tên, ghi họ tên vào giấy viết tay ghi “giấy nợ”. Do đó xem như bà Võ Thị H1 và ông Lê Quang Q chấp nhận với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bé C và ông Bùi Văn H và không có ý kiến phản tố hay yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Bé C; Bùi Văn H là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ buộc bà Võ Thị H1 và ông Lê Quang Q có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Lê Thị Bé C và ông Bùi Văn H số tiền hụi 163.500.000 đồng, Việc bà Lê Thị Bé C và ông Bùi Văn H không yêu cầu tính lãi thời gian qua là sự tự nguyện của ông H, bà C nên ghi nhận.

Do bà Võ Thị H1 và ông Lê Quang Q vi phạm hợp đồng góp hụi nên buộc ông, bà phải chịu án phí dân sự giá ngạch sơ thẩm của số tiền phải hoàn trả là 163.500.000 đồng x 5% = 8.175.000 đồng theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bé C; ông Bùi Văn H

Buộc bị đơn bà Võ Thị H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quang Q phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Lê Thị Bé C; ông Bùi Văn H số tiền hụi là 163.500.000 (Một trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm nghìn) đồng

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Án phí dân sự giá ngạch sơ thẩm buộc bị đơn bà Võ Thị H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quang Q phải có nghĩa vụ liên đới nộp 8.175.000 đồng.

H2 trả tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị Bé C, ông Bùi Văn H số tiền 4.088.000 đồng tại biên lai thu số 0004502 ngày 10/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ C (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đ

